

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HSST
Ngày 08 – 3 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Long**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Y

2. Ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn
– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2018/HSST, ngày 05 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST – HS ngày 21 – 02 – 2018 đối với các bị cáo:

1. **Võ Ngọc Hồi S** (Hít), S năm 1996 tại NT. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: khu phố 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh NT; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Võ Hồng X, S năm 1977 và bà Trần Thị Ng, S năm 1978; vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11 – 6 – 2013, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh NT xử phạt 15 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 12 – 6 – 2013, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NT xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 05 – 9 – 2013, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NT xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thi hành án xong ra trại ngày 31 – 01 – 2017. Bị bắt tạm giam ngày 25 – 10 – 2017, đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh NT (Có mặt).

2. **Vũ Trung N**, S năm 1989 tại NT. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: khu phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh NT; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Vũ Trung C (Không rõ năm S, không có ở địa phương) và bà Trần Thị Ng, S năm 1963; Vợ Lê Thị Kim O, S năm 1991 (Đã ly hôn) và 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 27 – 11 – 2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh NT xử phạt 05 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”, thi hành án xong ra trại ngày 07 – 5 – 2017. Bị cáo hiện đang tại ngoại (Có mặt).

Người bị hại:

1. Anh Lê Phú T, S năm 1992 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: thôn T, xã P, huyện N, tỉnh NT.

2. Anh Phan Đình P, S năm 1972 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: thôn P, xã P, huyện N, tỉnh NT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 02 – 8 – 2017, Võ Ngọc Hồi S đi tìm tài sản để trộm cắp, khi đi đến nhà ông Lê Văn T ở thôn T, xã P, huyện N thì phát hiện có một chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển số 85D1–105.82 của anh Lê Phú T, là con ông T đang dựng trong sân nhà ông T, chìa khóa xe còn gắn trên ổ khóa xe nên S đi vào dắt trộm chiếc xe ra ngoài đường rồi nổ máy chạy về P, sau đó S tặng cho bạn gái tên Bùi Thị Q chiếc xe này để sử dụng, đến ngày 25 – 10 – 2017, chị Q biết được chiếc xe S cho mình là do S trộm cắp mà có nên đã đem xe đến Công an huyện N giao nộp.

Tại biên bản định giá tài sản số 81, ngày 31 – 8 – 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: Chiếc xe mô tô của anh Lê Phú T có giá trị 10.000.000đ. Hiện Cơ quan điều tra đã giao trả cho anh T.

Quá trình điều tra còn xác định được: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23 – 8 – 2017, S trộm cắp một chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 85D1 – 034.52 của anh Phan Đình P tại thôn P, xã P, huyện N, hôm sau S bán cho Vũ Trung N với giá 2.200.000đ, N biết là xe do trộm cắp nhưng ham rẻ nên mua. Sau đó N cho Nguyễn Phụng Hoàng S sử dụng, đến ngày 30 – 8 – 2017 thì bị Công an phường T, Thành phố P thu giữ chiếc xe mô tô này.

Tại biên bản định giá tài sản số 97, ngày 26 – 10 – 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: Chiếc xe mô tô của anh Phan Đình P có giá trị 5.100.000đ. Hiện Cơ quan điều tra đã giao trả chiếc xe này cho anh P.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Phú T và anh Phan Đình P đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét đến.

Ngoài ra, S khai nhận còn nhiều lần trộm cắp tài sản ở huyện T và Thành phố P, hiện nay Cơ quan điều tra ở các địa phương này đang điều tra xử lý nên không đề cập trong vụ án này.

Vũ Trung N còn có hành vi tiêu thụ 01 xe Exeiter do S trộm cắp ở huyện T, Viện kiểm sát yêu cầu chuyển tin báo này đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 02/QĐ – KSĐT, ngày 03 – 01 – 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh NT đã truy tố Võ Ngọc Hồi S (Hít) về tội Trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 2 Điều 173 và Vũ Trung N về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo theo bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Ngọc Hồi S (Hít) phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo S từ 15 → 18 tháng tù.

Xử phạt bị cáo N từ 6 → 9 tháng tù.

Áp dụng: khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 buộc bị cáo S phải nộp 2.200.000đ là số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung truy tố tại bản Cáo trạng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập khách quan có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của người bị hại, người làm chứng tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ để xác định được:

[2.1]. Mặc dù đã 03 lần bị xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù, trong thời gian từ ngày 02 – 8 – 2017 đến ngày 23 – 8 – 2017, S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 xe mô tô của anh Lê Phú T và anh Phan Đình P trị giá 15.100.000đ

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo S đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là có căn cứ. Ngoài lần phạm tội này, ngày 11 – 6 – 2013, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh NT xử phạt 15 tháng tù, ngày 12 – 6 – 2013, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NT xử phạt 02 năm tù, ngày 05 – 9 – 2013, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NT xử phạt 09 tháng tù, đều về tội “Trộm cắp tài sản” chứng tỏ nhân thân bị cáo xấu.

Đối với Vũ Trung N mặc dù biết chiếc xe do trộm cắp mà có nhưng vì ham lợi nên vẫn mua với giá 2.200.000đ nên đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội vì tạo điều kiện và khích lệ cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài lần phạm tội này bị cáo Vũ Trung N đã bị Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh NT xử phạt 05 (Năm) tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 07 – 5 – 2017. Chứng tỏ bị cáo N chưa được xóa án tích lại tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tù tương xứng để răn đe, giáo dục và góp phần phòng ngừa chung.

Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt. Bị cáo S phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên, bị cáo N chưa được xóa án tích lại tái phạm. Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại anh T, anh P; Riêng bị cáo S sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tự thú đây là những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để cân nhắc, giảm nhẹ cho bị cáo S, N. Đồng thời áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ đối với bị cáo S lúc lượng hình.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần phải xử lý các bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, quá trình điều tra anh Lê Phú T và anh Phan Đình P đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét đến.

Về biện pháp tư pháp: Buộc Võ Ngọc Hồi S (Hít) phải nộp 2.200.000đ là số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[3]. Ngoài ra, S khai nhận còn nhiều lần trộm cắp tài sản ở huyện Thuận N và Thành phố P, hiện nay Cơ quan điều tra ở các địa phương này đang điều tra xử lý nên không đề cập trong vụ án này là có căn cứ.

Vũ Trung N còn có hành vi tiêu thụ 01 xe Exeiter do S trộm cắp ở huyện T, Viện kiểm sát yêu cầu chuyển tin báo này đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T để xử lý theo quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Đối với chị Bùi Thị Q, khi S cho xe thì không biết là xe do S trộm cắp mà có, khi biết xe S trộm cắp, chị Q đã giao nộp cho Cơ quan điều tra nên cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Võ Ngọc Hồi S** (Hít) phạm tội “Trộm cắp tài sản”; **Vũ Trung N** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc Hồi S (Hít) 20 (Hai mươi) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25 – 10 – 2017.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Trung N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Võ Ngọc Hồi S (Hít) phải nộp 2.200.000đ là số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về án phí: Các bị cáo Võ Ngọc Hồi S (Hít) và Vũ Trung N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

“...Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08 – 3 – 2018). Đối với người bị hại anh Lê Phú T, anh Phan Đình P vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NT;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở tư pháp tỉnh NT;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Long